

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-3-2021.

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH HƯNG
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trọng Nhân.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Hồ Văn Bún;

Bà Nguyễn Thị Phụng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Hưng tham gia phiên tòa:

Bà Đào Thị Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 124/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/3/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thu B, sinh năm 1981 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp K, xã V, huyện V, tỉnh Long An.

Bị đơn: Ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1975 (Có mặt).

Nơi cư trú: ấp K, xã V, huyện V, tỉnh Long An.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn A – Giám đốc Phòng giao dịch huyện V (Có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: khu phố M, thị trấn V, huyện V, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời khai tiếp theo của nguyên đơn, bà Võ Thị Thu B trình bày:

Được sự đồng ý của gia đình hai bên, bà và ông H có tổ chức lễ cưới vào năm 1998 và chính thức sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Th, huyện T ngày 12/6/2000. Sau khi cưới bà và ông H về sinh sống tại xã Th,

huyện T đến năm 2004 thì về ấp K, xã V, huyện V sinh sống cho đến nay. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc và có được 02 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/5/1999 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 27/7/2004. Tuy nhiên, thời gian sau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn xuất phát từ việc ông H không lo cho kinh tế gia đình, hay nhậu nhẹt, mỗi lần nhậu về hay chửi bới bà, bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả. Đến tháng 3/2020, bà và ông H sống ly thân cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm bà và ông H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Huy H.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông H có được 02 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/5/1999 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 27/7/2004, hiện đang sống với ông H. Hiện cháu Đ đã trưởng thành. Riêng đối với cháu Th, nếu ly hôn bà yêu cầu được giữ nuôi cháu Th, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà và ông Nguyễn Huy H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong thời gian sống chung, bà và ông H có vay Ngân hàng C số tiền 40.000.000 đồng, bà đã trả được cho Ngân hàng số tiền 8.000.000 đồng, hiện còn thiếu Ngân hàng C số tiền 32.000.000 đồng. Nếu ly hôn, bà và ông H sẽ cùng trả khoản nợ trên, trường hợp ông Huỳnh không đồng ý cùng trả, bà sẽ tự đứng ra trả.

Bị đơn ông Nguyễn Huy H trình bày:

Ông thông nhất về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung, về nợ chung, thời gian bỏ nhau. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông không thống nhất. Ông thừa nhận có chửi bới bà Thu B, do bà Thu B hay đi chơi về khuya, không lo cho gia đình nên mỗi lần nhậu về chỉ có cự cãi qua lại. Nay bà B yêu cầu ly hôn với ông, ông không đồng ý, vì ông còn thương vợ, thương con.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà Thu B có được 02 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/5/1999 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 27/7/2004, hiện đang sống với ông. Hiện cháu Đ đã trưởng thành. Riêng đối với cháu Th, nếu ly hôn ông đồng ý để bà Thu B giữ nuôi cháu Th, ông không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông và bà Võ Thị Thu B tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, bà Thu B có vay Ngân hàng C Vĩnh Hưng số tiền 40.000.000 đồng, đã trả được cho Ngân hàng số tiền 8.000.000 đồng, hiện còn nợ Ngân hàng C số tiền 32.000.000 đồng. Đối với các khoản vay trên bà Thu B tự đứng ra vay nên tự trả, ông không đồng ý trả các khoản vay trên cho Ngân hàng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C, ông Võ Văn A có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại các phiên tòa xét xử vụ

án, tại biên bản ghi lời khai ngày 17/12/2020, trình bày: Ngày 07/8/2018, bà Võ Thị Thu B và ông Nguyễn Huy H có thỏa thuận vay Ngân hàng C số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất 7,92/năm, mỗi năm trả 8.000.000 đồng bắt đầu từ ngày 07/8/2019, hiện đã trả được 8.000.000 đồng tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, hiện còn nợ 32.000.000 đồng tiền vốn gốc. Hiện các bên đang có yêu cầu xin ly hôn tại Tòa án nhưng không yêu cầu giải quyết về tài sản chung khi ly hôn, ông H và bà B cũng thực hiện việc đóng lãi đầy đủ cho Ngân hàng, đồng thời khoản vay trên cũng chưa đến hạn nên Ngân hàng không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay trên. Khi nào có tranh chấp Ngân hàng sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết trong một vụ án khác.

Vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên Tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Thu B, cụ thể: Về hôn nhân: Bà Võ Thị Thu B được ly hôn với ông Nguyễn Huy H ; Về nuôi con chung: Tại phiên tòa, bà Võ Thị Thu B và ông Nguyễn Huy H thỏa thuận thống nhất, nếu ly hôn bà Thu B sẽ giữ nuôi cháu Th, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con, sự thỏa thuận trên phù hợp với nguyện vọng của cháu Th, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội đề nghị Hội đồng xét xử công nhận. Về tài sản: Bà Võ Thị Thu B và ông Nguyễn Huy H xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét. Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C, ông Võ Văn A không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ của bà Võ Thị Thu B và ông Nguyễn Huy H nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C, ông Võ Văn A có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ kiện. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngày 09/10/2020, bà Võ Thị Thu B có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng chấp nhận cho đương sự được ly hôn với ông Nguyễn Huy H. Đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do ông H cư trú tại huyện Vĩnh Hưng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Hưng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn bà Võ Thị Thu B yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Huy H vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa bà và ông H không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét, hôn nhân giữa bà Võ Thị Thu B và ông Nguyễn Huy H có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Th, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày

12/6/2000 đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, nguyên đơn bà Võ Thị Thu B yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Huy H. Ngược lại, bị đơn ông Nguyễn Huy H không đồng ý ly hôn với bà Võ Thị Thu B. Mặt dù, ông Nguyễn Huy H không đồng ý ly hôn theo yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Thu B nhưng ông H lại không đưa ra được biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa hai bên. Xét thấy hôn nhân giữa bà Võ Thị Thu B và ông Nguyễn Huy H không hạnh phúc, tình trạng vợ chồng giữa hai bên là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà Võ Thị Thu B yêu cầu Hội đồng xét xử cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Huy H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Trong quá trình sống chung, bà và ông H có được 02 con chung tên Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 10/5/1999 và Nguyễn Thị Th, sinh ngày 27/7/2004, hiện đang sống với ông H. Hiện cháu Đ đã trưởng thành. Tại phiên tòa, bà Võ Thị Thu B và ông Nguyễn Huy H thỏa thuận thống nhất, nếu ly hôn bà Thu B sẽ giữ nuôi cháu Th, ông H không phải cấp dưỡng nuôi con, sự thỏa thuận trên phù hợp với nguyện vọng của cháu Th theo văn bản trình bày ý kiến ngày 28/10/2020, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử xét công nhận.

[5] Về tài sản: Tại phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ kiện, bà Võ Thị Thu B và ông Nguyễn Huy H xác định nếu ly hôn sẽ tự thỏa thuận giải quyết phần tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[6] Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng C, ông Võ Văn A không có yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết khoản nợ 32.000.000 đồng của bà Võ Thị Thu B và ông Nguyễn Huy H nên hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét, nếu sau này có tranh chấp sẽ khởi kiện bằng một vụ kiện khác.

[7] Án phí: Bà Võ Thị Thu B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Võ Thị Thu B với ông Nguyễn Huy H.

1/ Về hôn nhân: Bà Võ Thị Thu B được ly hôn với ông Nguyễn Huy H.

2/ Về nuôi con chung: Bà Võ Thị Thu B được giữ nuôi con chung tên Nguyễn Thị Th, sinh ngày 27/7/2004, ông Nguyễn Huy H không phải cấp dưỡng nuôi con, nhưng có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về án phí: Bà Võ Thị Thu B phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002711 ngày 13/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Hưng, bà Thu B đã nộp đủ án phí.

Các bên đương sự được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Huyện;
- CCTHADS Huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã, thị trấn nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trần Trọng Nhân